

Số: 1081 /BC-LHH

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 7 năm 2023

## **BÁO CÁO PHẢN BIỆN**

### **Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện Công văn số 1197/UBND-NN ngày 20/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá thực hiện nhiệm vụ phản biện các đề án, cơ chế, chính sách, quy định, định mức, kế hoạch năm 2023; trong đó có “*Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*” (sau đây viết tắt là Định mức); ngày 13/6/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa đã gửi Công văn số 1780/SGDDT-KHTC đề nghị phản biện kèm theo theo dự thảo quyết định ban hành Định mức và các tài liệu có liên quan, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội) đã nghiên cứu lựa chọn chuyên gia, thành lập Hội đồng phản biện và tổ chức triển khai các bước của quy trình phản biện theo quy định. Liên hiệp hội báo cáo kết quả phản biện như sau:

#### **I. CÁC NỘI DUNG ĐẠT ĐƯỢC:**

Dự thảo quyết định ban hành định mức gồm 4 trang và 10 phụ lục với 101 trang kèm theo. Về cơ bản thể thức và nội dung đã bám sát theo hướng dẫn của Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “*Hướng dẫn, xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*” ở phần định mức kinh tế - kỹ thuật. Việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh là cần thiết. Đây là cơ sở để UBND tỉnh quyết định biên chế (lao động trực tiếp và lao động gián tiếp), đầu tư thiết bị, đồ dùng dạy học và xác định ngân sách đầu tư cho sự nghiệp giáo dục của tỉnh thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định; đồng thời là căn cứ để các cơ sở giáo dục công lập xây dựng và thẩm định các định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ hoạt động của các cơ sở giáo dục theo quy định.

Tuy nhiên, việc xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật (bao gồm định mức lao động, định mức thiết bị, định mức vật tư) không chỉ căn cứ vào các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông tư liên bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ mà cần phải căn cứ vào việc đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số



3465/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về quy định định mức bình quân học sinh/lớp và định mức biên chế cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính của các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và trung học phổ thông công lập; Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 về phê duyệt Đề án sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 và thực trạng, điều kiện thực tế đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh. Đây là những căn cứ đã được nêu trong Điều 5 Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT để xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập của tỉnh mới đảm bảo sự phù hợp và khả thi trong thực tiễn khi Quyết định được ban hành.

## **II. NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHỈNH SỬA, BỔ SUNG:**

**1. Về tên của dự thảo quyết định ban hành Định mức:** Theo Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa thì tên nhiệm vụ là “*Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*”; tên dự thảo gửi phản biện là “*Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*”. Như vậy, dự thảo gửi phản biện chưa đúng theo văn bản giao nhiệm vụ của UBND tỉnh; đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại vấn đề này. Trường hợp xét thấy cần phải điều chỉnh thì cần có giải trình cơ sở và lý do chỉnh sửa trong Tờ trình UBND tỉnh.

### **2. Về các căn cứ pháp lý**

- Đề nghị nghiên cứu có thể không cần đưa một số căn cứ pháp lý ít liên quan đến dự thảo quyết định; đồng thời bổ sung thêm một số căn cứ như: *Thông tư 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên*).

### **3. Về nội dung dự thảo quyết định ban hành Định mức**

#### **3.1. Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**3.1.1. Phạm vi điều chỉnh:** Hội đồng phản biện đề nghị thay cụm từ “quy định” bằng cụm từ “ban hành”; đồng thời lược bỏ các nội dung trùng lặp với đối tượng áp dụng trong dự thảo và viết lại là: “*Quyết định này ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*”.



**3.1.2. Đối tượng áp dụng:** Hội đồng phản biện nhận thấy: Quy định như dự thảo là chưa đầy đủ vì trên địa bàn tỉnh còn có các trường đại học, cao đẳng đào tạo các ngành sư phạm trực thuộc UBND tỉnh, do đó trong đối tượng áp dụng của Quyết định cần phải xem xét nên hay không nên bổ sung “các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp có đào tạo sư phạm”. Vì nếu trong Quyết định này không quy định thì để quản lý hoạt động đào tạo tại các cơ sở giáo dục trên UBND tỉnh cũng cần ban hành quyết định về “định mức kinh tế - kỹ thuật” đối với các ngành đào tạo sư phạm. Vì trong thực tế các cơ sở đào tạo sư phạm công lập ở tỉnh ta đều chưa phải là đơn vị tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên và đầu tư nên theo quy định thì UBND tỉnh phải ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các đối tượng này.

- Đề nghị nghiên cứu chuyển khoản 3 Điều 2 về khoản 2 Điều 1, vì đây chính là nội dung thuộc về đối tượng áp dụng quyết định khi thực hiện chương trình giáo dục khác với các định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định này.

- Đề nghị bổ sung thêm nội dung “các cơ sở giáo dục ngoài công lập có thể vận dụng để xây định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ sở giáo dục ngoài công lập” vào trong đối tượng áp dụng. Đúng về phương diện quản lý nhà nước UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, vì vậy khi UBND tỉnh ban hành quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trực tiếp cho hệ thống giáo dục công lập thì cũng cần có sự hướng dẫn vận dụng đối với “giáo dục ngoài công lập”. Trong trường hợp không đưa vào đối tượng áp dụng của quyết định này thì cần phân tích, lý giải trong “Báo cáo xây dựng quyết định” hoặc “Tờ trình UBND tỉnh”.

**3.2. Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa:**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì “Định mức kinh tế - kỹ thuật” bao gồm: Định mức lao động, định mức thiết bị và định mức vật tư. Hội đồng phản biện thống nhất ghép định mức thiết bị và định mức vật tư thành một nhóm. Đề nghị cần thể hiện đồng thời định mức vật tư cùng với các định mức kỹ thuật khi sử dụng cần có vật tư đi kèm trong các phụ lục đảm bảo tính logic, dễ hiểu và sử dụng trong thực tế.

- Đề nghị ngoài định mức lao động trực tiếp và gián tiếp thì cũng cần xem xét bổ sung định mức lao động kiêm nhiệm và lao động hợp đồng làm cơ sở để các cơ sở giáo dục công lập tính toán số lượng lao động.

- Đề nghị bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trường phổ thông nhiều cấp học và đối với loại hình ghép, vì thực tế trên địa bàn tỉnh cũng đã có nhiều trường phổ thông nhiều cấp và liên cấp như: (i) Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với loại hình trường Tiểu học và THCS do cấp huyện quản lý (*hiện Thanh Hóa đã có 77 trường TH&THCS*); (ii) Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với loại hình trường THCS và THPT do cấp tỉnh quản lý; (iii) Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với loại hình ghép trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề (*hiện Thanh Hóa đã thực hiện*).



- Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm danh mục định mức kinh tế - kỹ thuật mà trong danh mục ban hành kèm theo các thông tư của Bộ GD&ĐT chưa có nhưng thực tế lại rất cần thiết đối với từng bậc, cấp học ở cơ sở giáo dục trong tỉnh đã và đang được sử dụng trong thực tế.

**3.3. Kinh phí thực hiện:** Thống nhất như dự thảo.

**3.4. Điều 4. Tổ chức thực hiện:**

**3.4.1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Điều chỉnh đưa mục *b* lên trước, đổi mục *a* xuống vị trí thứ 2. Lý do: Việc hướng dẫn xây dựng và thẩm định định mức kinh tế kỹ thuật của các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc là việc phải làm ngay sau khi quyết định này được ban hành. Sau đó mới định kỳ rà soát việc thực hiện, nếu thấy có vấn đề bất hợp lý thì mới tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung định mức cho phù hợp.

- Tại điểm a, khoản 1 “Sở Giáo dục và Đào tạo” đề nghị sửa lại cho đúng với nhiệm vụ của Sở “*Định kỳ tham mưu cho UBND rà soát, điều chỉnh, bổ sung đối với định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh đã được ban hành theo quyết định này bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành*”.

- Đề nghị sửa điểm b Khoản 1 cho đúng, tránh hiểu nhầm là Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng và làm nhiệm vụ thẩm định các “Định mức kinh tế - kỹ thuật” đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở, sửa lại như sau: “*Hướng dẫn các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc thực hiện xây dựng và thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật theo Quyết định này*”.

**3.4.2. Khoản 3 Điều 4. UBND huyện, thị xã, thành phố:**

- Tại mục *a*, Chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo, các phòng, ban chuyên môn liên quan hướng dẫn việc **xây dựng và thẩm định** định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định này, cần bổ sung việc hướng dẫn **thực hiện** định mức. Như vậy nhiệm vụ này cần điều chỉnh là: “**hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và thực hiện định mức...**”

- Bổ sung thêm nhiệm vụ đối với UBND huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện chế độ báo cáo về UBND tỉnh qua Sở GD&ĐT để tổng hợp báo cáo Bộ GD&ĐT, cụ thể: c) Theo dõi, tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 12 hằng năm. Từ đây đề nghị điều chỉnh lại nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục công lập: “...trước ngày 10 tháng 12 hằng năm” khi đó UBND các huyện, thị xã, thành phố mới đủ thời gian để tổng hợp báo cáo Sở.

Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng dựa trên các căn cứ như: (i) Quy định về chương trình giáo dục, chương trình đào tạo, chuẩn khối



lượng kiến thức, chuẩn năng lực đầu ra của người học tương ứng mỗi cấp học và trình độ đào tạo. (ii) Quy định điều lệ trường mầm non; điều lệ trường tiểu học; điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học...; định mức, chế độ làm việc của nhà giáo, nhân viên hành chính, nhân viên phục vụ; định mức trang thiết bị giảng dạy, học tập. (iii) Điều kiện thực tế hoạt động của các cơ sở giáo dục về cơ sở vật chất, bao gồm: công trình xây dựng, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị, sách giáo khoa, tài liệu. (iv) Quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. (v) Số liệu thống kê hằng năm và các tài liệu có liên quan. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo chưa xây dựng Báo cáo xây dựng định mức làm rõ việc áp dụng, vận dụng các căn cứ nêu trên và mức độ vận dụng, nhất là báo cáo hiện trạng về giáo dục để xác định căn cứ định mức đưa vào các phụ lục.

**4. Định mức lao động đối với giáo dục:** Đề nghị cần nêu rõ định mức lao động áp dụng với các cơ sở giáo dục trong dự thảo quyết định này (từ phụ lục 1 đến phụ lục 5) **là ở mức “tối đa”**. Như vậy tiêu đề các phụ lục từ 1-5 phải là “Định mức lao động tối đa...”

#### ***4.1. Định mức lao động đối với giáo dục mầm non (Phụ lục 1):***

- Cơ quan soạn thảo đã căn cứ vào các quy định tại các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Căn cứ vào số liệu thống kê 3 năm học gần đây (2020-2023) để xác định tỷ lệ số nhóm trẻ (26,4%) và số lớp mẫu giáo (73,6%) trong toàn tỉnh để làm căn cứ xác định định mức lao động đối với một trẻ hoặc là một học sinh mẫu giáo đối với trường mẫu giáo, trường mầm non theo các vùng miền được quy định trong các thông tư trên. Việc xây dựng phương án tính toán trên cần được xem xét lại từ mấy vấn đề sau:

(i) Cần xem xét lại ý nghĩa của việc xác định các định mức lao động trực tiếp. Nếu sử dụng số lớp trung bình là số nguyên trong từng loại trường để tính toán định mức lao động trực tiếp như dự thảo là không phù hợp. Thực tế không thể tồn tại loại hình trường với số lớp hoặc nhóm như dự thảo. Dù là trường nhiều lớp hay ít lớp, căn cứ vào định mức giáo viên và học sinh/lớp tối đa theo quy định tại các thông tư của Bộ GD&ĐT thì khi tính toán thì đều có hệ số giáo viên trực tiếp trên học sinh là như nhau. Từ các nội dung trên để giảm bớt sự phức tạp và khó hiểu trong các phụ lục, đề nghị tính toán “Định mức lao động trực tiếp” cho một lớp hoặc một nhóm.



(ii) Đối với định mức giáo viên mầm non (Phụ lục 1) cần thực hiện đúng theo Thông tư 06/2015/TTLB-BGDĐT-BNV theo 3 nhóm tuổi và độ tuổi để tính. Bổ sung một số trường hợp đặc biệt chưa được xác định định mức lao động như: Bố trí giáo viên trong trường hợp không đủ trẻ trong một nhóm trẻ và không đủ học sinh trong một lớp mẫu giáo; cần quy định về bố trí người phục vụ nấu ăn và bảo vệ; cần quy định số hiệu phó ở trường mầm non có từ 5 điểm trường trở lên.

- Cột lao động gián tiếp nên bổ sung đối tượng là cấp dưỡng (theo Điều 6: Lao động hợp đồng trong Điều lệ trường mầm non) vì đây là bậc học vừa nuôi, vừa dạy. Mục II.2.2 sửa cụm từ “Trường có từ 06 đến 20 nhóm, lớp” thành “Trường có từ 07 đến 20 nhóm, lớp” (vì 06 nhóm trùng với mục II.2.1). Một số chú thích chưa chính xác: Cột thứ 8 sẽ được tính là  $(5) \times 30$ , trong khi đó trên bảng lại ghi là  $(4) \times 30$ ; cột thứ 10 là  $(5) \times 2,2$  nhưng trên bảng ghi là  $(4) \times 2,2$ ; Một số phép tính sai. Ví dụ: dòng 1.1, kết quả cột 9 sẽ là 9,5, trong khi trên bảng lại là 9,6; cột 10 kết quả là 26,75 thì trên bảng lại tính là 23,5... Đề nghị rà soát, chỉnh sửa và tính toán lại cho đúng ở tất cả các phụ lục về “định mức lao động”.

**4.2. Định mức lao động đối với giáo dục tiểu học (Phụ lục 2):** Đề nghị Sở GD&ĐT căn cứ vào các thông tư: Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập để tính toán định mức lao động đối với các trường Tiểu học khu vực trung du, đồng bằng, thành phố và các trường thuộc khu vực miền núi, vùng sâu.

**4.3. Định mức lao động đối với giáo dục trung học cơ sở (Phụ lục 3):** Tương tự như đối với định mức lao động đối với giáo dục mầm non và tiểu học thì việc tính toán dựa trên cơ sở số lớp trung bình trên trường là không có ý nghĩa. Cần bổ sung đối tượng nhân viên giáo vụ đối với các phổ thông dân tộc nội trú huyện và phổ thông dân tộc bán trú huyện (theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT thì mỗi trường được bố trí 02 nhân viên giáo vụ). Gạch đầu dòng thứ 3 ở mục ghi chú cần sửa số giáo viên trung bình 1 lớp 1,5 GV/lớp thành 1,9 GV/lớp (*do ghi nhầm*).

- Quy mô trường THCS khu vực miền núi, vùng sâu phân chia thành: 19 đến 45 lớp; 6 đến 18 lớp (Thực tế có không ít trường THCS vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn chỉ có 6 hoặc 7 lớp). Số lượng học sinh 45 em/lớp là quá cao, nên căn cứ vào số liệu thống kê để xác định lại “số lượng học sinh tối đa/lớp” cho phù hợp với tình hình thực tế (khoảng 35-37 em/lớp là phù hợp).

- Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú huyện, hiện nay theo quy định mỗi khối chỉ 2 lớp với 60 học sinh (30 học sinh/lớp), cả trường chỉ 8 lớp với 240



học sinh. Theo dự thảo thì trung bình của loại hình trường này là 32 lớp, với 45 học sinh/lớp (tổng cộng 1.440 học sinh) là không phù hợp. Với quy mô một trường PTDTNT trên thì số học sinh đã chiếm hơn 1/3 số học sinh THCS của toàn huyện, quy định như vậy là thiếu thực tế. Mặt khác theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ GD&ĐT quy định trường PTDTNT mỗi lớp có không quá 35 học sinh. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu sửa lại số lớp và số học sinh mỗi lớp theo Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với trường phổ thông dân tộc bán trú huyện: Ngoài số học sinh được vào trường PTDTNT huyện thì số học sinh ở các xã vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, các xã nghèo (30A) học tại các trường THCS tại xã hàng tháng được hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền nhà ở (nếu phải trọ lại), hỗ trợ 15kg gạo/tháng (Nghị định 116/2016/NĐ-CP). Như vậy, hiện nay trong các huyện miền núi của tỉnh còn rất ít trường PTDTBT, trong dự thảo số lớp trung bình/trường là 32 là không đúng với thực tế mà thay bằng 8 lớp/trường; định mức 35 học sinh/lớp thay vì 45 học sinh/lớp thì mới đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **4.4. Định mức lao động đối với giáo dục trung học phổ thông (Phụ lục 4):**

Tương tự như đối với định mức lao động đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở thì việc tính toán dựa trên cơ sở số lớp trung bình trên trường là không chính xác và không có ý nghĩa. Đề nghị bổ sung đối tượng “**Nhân viên giáo vụ**” vì theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT thì trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh và trường trung học phổ thông chuyên được bố trí tối đa 02 nhân viên giáo vụ.

- Thêm mục III: Trường THCS và THPT vào Phụ lục IV; Thêm cột: từ 16 cột thành 17 cột. Cột 13 ghi là Tổng phụ trách Đoàn – Đội (1 người). Vì loại hình trường THCS & THPT sẽ có cả Đội viên và Đoàn viên theo Điều lệ của các tổ chức đoàn thể trên.

**4.5. Định mức lao động đối với giáo dục thường xuyên cấp THPT (Phụ lục 5):** Tương tự như đối với định mức lao động đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trung học phổ thông thì việc tính toán dựa trên cơ sở số lớp trung bình trên trường là không chính xác và không có ý nghĩa. Trong phụ lục còn có một sự bất hợp lý đó là: Việc xác định số lớp học trung bình được tính bằng trung bình cộng số lớp tối thiểu và số lớp tối đa tại các trung tâm theo các khu vực nhưng đối với trường có số lớp dưới 15 lớp thì lại xác định số lớp trung bình là 9 là không có cơ sở về mặt tính toán. Nếu trong một TTGD TX mỗi khối có 2 lớp vậy quy mô của TTGD TX chỉ là 6, trong khi đó dự thảo đề xuất là 9, dẫn đến sẽ có một số giáo viên thực hiện không đủ định mức lao động. Đề nghị tính toán lại phương án đề xuất trong dự thảo. Giáo viên trong các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp THPT gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên hợp đồng, giáo viên thỉnh giảng; việc xác định định mức giảng viên là cơ sở để các trung tâm giáo dục thường xuyên sử dụng kinh phí được cấp trên giáo viên để thực hiện hợp đồng và



trả tiền công cho giáo viên thỉnh giảng. Việc lý giải như trong ghi chú phụ lục V là không thuyết phục. Việc xác định mức giáo viên trên lớp đối với giáo dục thường xuyên cấp THPT giảng dạy 7 môn bắt buộc được vận dụng như đối với giáo viên THPT là chưa hợp lý. Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ GD&ĐT về “Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông” quy định 7 môn văn hóa bắt buộc, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục, kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ. Như vậy, cần làm rõ có phải bất kỳ trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện nào cũng sử dụng “Tổng định mức là 1,47 GV/lớp” nếu tính toán như dự thảo thì dựa vào quy định nào. Cần phải xem xét lại nội dung “Dự thảo đề xuất vận dụng định mức lao động gián tiếp đối với TTGD TX như đối với trường THPT” vì mấy lý do sau: (i) Thực tế quy mô giáo dục thường xuyên ở tỉnh ta đều rất nhỏ bé so với quy mô các trường THPT, vì vậy cần phải căn cứ vào thực tế diễn biến quy mô các TTGD TX trong những năm qua để đề xuất quy mô lớp trong TTGD TX cho sát thực tế tránh trường hợp khi Quyết định ban hành nhưng thực tế không có TTGD TX quy mô phù hợp để áp dụng.

Từ các vấn đề phân tích trên đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu lại cách xây dựng định mức đảm bảo tính chính xác và làm căn cứ để các cơ sở giáo dục công lập trong tỉnh áp dụng và cơ sở giáo dục ngoài công lập vận dụng trong xây dựng định mức lao động tại cơ sở giáo dục.

**5. Định mức kinh tế - kỹ thuật về thiết bị:** Đề nghị cần nêu rõ định mức kinh tế - kỹ thuật về thiết bị áp dụng với các cơ sở giáo dục trong dự thảo quyết định này (từ phụ lục 6 đến phụ lục 10) là ở mức “tối thiểu”. Như vậy, tiêu đề các phụ lục từ 6-10 sẽ là “Định mức thiết bị, vật tư tối thiểu...”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT thì “Định mức thiết bị được xác định bằng tích của mức giá thiết bị ban đầu nhân với tỷ lệ phần trăm hao mòn theo chế độ quy định” (Giá trị khấu hao/hao mòn tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính). Vì vậy, để đảm bảo tính đúng đắn, chính xác và quy định pháp luật thì cần phải xây dựng Báo cáo về việc xác định các thiết bị (Tuổi thọ hết khấu hao 100% giá trị thiết bị làm căn cứ để xác định năm sử dụng để đưa vào phụ lục định mức đối với mỗi cấp, bậc học). Qua thực tế khảo sát tại một số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh một số thiết bị, vật tư được trang cấp không còn phù hợp (như: bộ tranh minh họa, bộ tranh bìa, tranh mô hình hóa, đĩa CD, đài đĩa...) nên các cơ sở giáo dục nhận về nhưng không sử dụng, gây lãng phí kém; bên cạnh đó nhiều trang thiết bị rất cần cho dạy và học như máy trợ giảng thì không được trang cấp nên cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu kỹ nội dung này để giải trình, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh cho thiết thực, hiệu quả.

**5.1. Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục mầm non (Phụ lục 6):** Ngày 17/9/2013, Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT về danh mục



Thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo dục mầm non; ngày 23/3/2015, Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT về danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, trong nội dung về tổ chức thực hiện Bộ GD&ĐT đều giao cho các sở giáo dục và đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc mua sắm, tự làm, sưu tầm, sử dụng và bảo quản thiết bị phục vụ dạy học tại các cơ sở giáo dục mầm non. Các nội dung nêu trong các thông tư của Bộ GD&ĐT là yêu cầu tối thiểu và đã rất cụ thể nên Sở GD&ĐT chỉ cần ban hành văn bản hướng dẫn để các trường mầm non công lập trong tỉnh áp dụng. Việc xây dựng định mức phục vụ công tác đầu tư và quản lý là cần thiết, tuy nhiên cơ quan soạn thảo cần giải trình rõ về cơ sở áp dụng **“quy định thời gian sử dụng trung bình đối với các loại đồ dùng – đồ chơi và thiết bị dạy học”** được căn cứ vào thực tế hay quy định của cấp có thẩm quyền. Về nguyên tắc việc xác định thời gian sử dụng các trang thiết bị phải căn cứ vào quy định của nhà nước (Bộ Tài chính).

**5.2. Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục tiểu học (Phụ lục 7):** Ngày 30/12/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT về “Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học”. Trong nội dung về tổ chức thực hiện Bộ GD&ĐT đều giao cho các sở giáo dục và đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc mua sắm, sử dụng và bảo quản thiết bị phục vụ dạy học tại các cơ sở giáo dục Tiểu học. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu lại vấn đề sau: (i) Vì sao lại phải quy định mức ra trang thiết bị trên học sinh, trong khi Thông tư của Bộ quy định là định mức trang thiết bị trên lớp. (ii) Tương tự như phụ lục 6, cần xem xét lại cơ sở để đề xuất “Thời gian sử dụng trung bình”.

**5.3. Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục trung học cơ sở (Phụ lục 8):** Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở” thì đối tượng sử dụng là giáo viên và đã được định mức số lượng thiết bị trên giáo viên trên các lớp học, vì vậy cần xem xét lại việc định mức thiết bị trên học sinh trong dự thảo Quyết định; việc xác định thời gian sử dụng phải căn cứ vào tỷ lệ khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính. Đề nghị xác lập trong báo cáo làm căn cứ đưa vào Phụ lục VIII của Quyết định. Việc xây dựng định mức về thiết bị trên học sinh để làm căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm về thiết bị đối với mạng lưới các trường THCS trong tỉnh (theo quy định của Bộ GD&ĐT là mức tối đa/lớp) là không đảm bảo tính chính xác và không thực tế mà phải căn cứ vào định mức theo lớp học và cấp học để xây dựng định mức mới chính xác. Đề nghị bổ sung thêm định mức thiết bị dạy học cho môn giáo dục địa phương vì thực tế hiện nay trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 “môn giáo dục địa phương” được đưa vào thời khóa biểu chính thức 1 tiết/1 tuần và có nội dung, tài liệu giảng dạy được biên soạn của từng địa phương.

**5.4. Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục trung học phổ thông (Phụ lục 9):** Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và



Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông. Tương tự như các ý kiến phản biện ở các phụ lục 7-8 thì đối tượng sử dụng chủ yếu là giáo viên chỉ có số rất ít thiết bị là phục vụ trực tiếp cho học sinh, vì vậy định mức tính là phải được xác định theo lớp (theo quy định của Bộ GD&ĐT).

#### **5.5. Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục thường xuyên (Phụ lục 10):**

Về cơ bản các nội dung trình bày trong Phụ lục 10 được vận dụng từ định mức thiết bị đối với giáo dục THPT ở 7 môn học trong GDTX bậc THPT. Đề nghị quan tâm đến chương trình giáo dục các môn văn hóa đối với GDTX bậc THPT trên địa bàn tỉnh ta về tính thống nhất 4 môn lựa chọn trong tổng 7 môn văn hóa hay tùy vào điều kiện từng trường. Nếu tùy điều kiện từng trường thì cần phải có số liệu thống kê và cần phân loại để xây dựng “định mức thiết bị” cho phù hợp và khả thi.

Đề nghị sửa các tiêu đề lớn ở các môn cho đúng loại hình GDTX ở các môn Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Vật lí, Hóa học, Sinh học và mục cuối từ “Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông – Thiết bị dùng chung” thành “Thiết bị dạy học tối thiểu Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông – Thiết bị dùng chung”. Loại bỏ Danh mục định mức của 5 môn GDTX không học (Ngoại ngữ; Giáo dục kinh tế - pháp luật, Công nghệ, Tin học; Hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp) mà lại có định mức thiết bị.

### **III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN**

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo xây dựng “Báo cáo đánh giá thực trạng về định mức kinh tế - kỹ thuật trong các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh” làm cơ sở phục vụ xây dựng Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh “Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật...” nhằm cung cấp đầy đủ số liệu hiện trạng về cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh; lý giải căn cứ thực tiễn để quyết định lựa chọn các định mức lao động và thiết bị, vật tư đưa vào trong dự thảo trong các trường hợp chưa có trong quy định của Bộ GD&ĐT và Liên bộ. Lý giải làm rõ phạm vi điều chỉnh về các loại định mức; làm rõ vì sao đối tượng áp dụng lại không có các cơ sở đào tạo sư phạm và lý do vì sao không xây dựng “giá dịch vụ giáo dục” áp dụng trên địa bàn tỉnh trong Quyết định này để cung cấp đầy đủ thông tin, cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng, phản biện, phê duyệt ban hành định mức.

2. Đây là văn bản được xây dựng dựa trên rất nhiều căn cứ pháp lý có tính chuyên môn, cơ sở gốc là Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT và các thông tư đã được liệt kê trong phần căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định, vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu các nội dung phản biện để rà soát, đối chiếu với các quy định tránh bỏ sót định mức và áp dụng không đúng, khác với bản chất được quy định trong các văn bản của Bộ GD&ĐT và Liên bộ ban hành để hoàn chỉnh dự thảo.

3. Các định mức về sĩ số học sinh trên đầu lớp phải có vận dụng cụ thể cho các vùng miền và phải được tính đến các trường, vì nếu chỉ tính trên đầu các



huyện, thị xã, thành phố số liệu chênh lệch giữa các trường sẽ rất lớn; đặc biệt là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa...

4. Trong trường học có 2 loại hình hoạt động chính đó là: Giáo dục dạy học và quản lí. Dự thảo mới đề cập Định mức kinh tế - kĩ thuật cho việc dạy học, chưa đề cập đến định mức trang thiết bị cho việc quản lí, hành chính của nhà trường. Đề nghị nghiên cứu bổ sung để hướng dẫn nội dung này.

5. Hiện nay, cả nước đang đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số. Các thiết bị ứng dụng công nghệ số được đề cập trong dự thảo là rất ít, một số thiết bị đã lạc hậu không phù hợp đã nêu ở phần nội dung phản biện, đề nghị Sở GD&ĐT đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét bổ sung các “thiết bị ứng dụng công nghệ số, thông minh” thay thế các thiết bị nêu trong định mức thiết bị và vật tư đã lạc hậu, các cơ sở giáo dục không sử dụng trong dạy học nhưng vẫn còn quy định trong dự thảo này.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ**

**1. Kết luận:** Dự thảo quyết định ban hành định mức đã được tổ chức nghiên cứu xây dựng khẩn trương, nghiêm túc, phù hợp với nhiệm vụ được giao. Nội dung chuẩn bị của dự thảo đã cơ bản, có đủ điều kiện giúp cho việc hoàn thiện xây dựng “Định mức...” trên cơ sở tiếp thu ý kiến Hội đồng phản biện, ý kiến góp ý của các sở, ngành có liên quan.

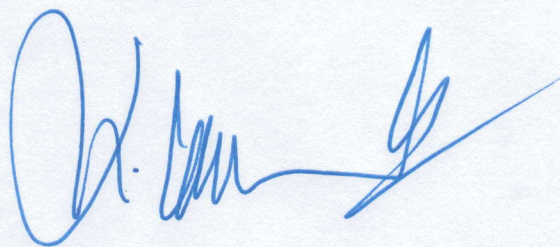
**2. Đề nghị:** Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kỹ những nội dung phản biện và các vấn đề có liên quan để bổ sung hoàn thiện “Dự thảo quyết định...” đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, đúng quy định của pháp luật và có tính khả thi cao sau khi Quyết định được ban hành. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo hoàn thiện đối với những đề nghị của Hội đồng phản biện về những nội dung cần quan tâm nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện theo hướng dẫn của Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đào Thanh Tùng (để b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa;
- Thường trực LHH;
- Hội đồng phản biện;
- Lưu VT, VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phát**